

Số: /2020/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

Dự thảo 2

THÔNG TƯ

Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương giáo viên mầm non công lập

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương giáo viên mầm non công lập.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên mầm non công lập.

2. Thông tư này áp dụng đối với cán bộ quản lý (hiệu trưởng, phó hiệu trưởng), giáo viên mầm non (sau đây gọi chung là giáo viên mầm non) trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập, bao gồm: trường mầm non, trường mẫu giáo,

nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập công lập (sau đây gọi chung là trường mầm non).

3. Các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục có thể vận dụng quy định tại Thông tư này để tuyển dụng, sử dụng và quản lý giáo viên mầm non.

Điều 2. Mã số, hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non

1. Chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non bao gồm:

- a) Giáo viên mầm non hạng III - (Mã số do Bộ Nội vụ cấp);
- b) Giáo viên mầm non hạng II - (Mã số do Bộ Nội vụ cấp);
- c) Giáo viên mầm non hạng I - (Mã số do Bộ Nội vụ cấp).

2. Đối với giáo viên chưa đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 72 Luật Giáo dục 2019 (bao gồm giáo viên thuộc đối tượng thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo và giáo viên không thuộc đối tượng nâng trình độ chuẩn được đào tạo) thì giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng IV - (Mã số do Bộ Nội vụ cấp).

Chương II

TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Điều 3. Giáo viên mầm non hạng IV - Mã số.....

1. Nhiệm vụ

a) Nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; chịu trách nhiệm về chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ em ở nhóm, lớp được phân công phụ trách theo Chương trình giáo dục mầm non; thực hiện công tác giáo dục hòa nhập và quyền trẻ em;

b) Trau dồi đạo đức nghề nghiệp; gương mẫu, đối xử công bằng và tôn trọng nhân cách của trẻ em; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của trẻ em;

c) Rèn luyện sức khỏe; hoàn thành các khóa học, các chương trình bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ; tham gia các hoạt động chuyên môn; bảo quản và sử dụng thiết bị giáo dục được giao;

d) Phối hợp với cha mẹ hoặc người giám hộ trẻ em và cộng đồng trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em;

đ) Tham gia công tác phổ cập giáo dục; thực hiện nghĩa vụ của công dân, các quy định của pháp luật, của ngành Giáo dục và của nhà trường, địa phương;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác do hiệu trưởng phân công.

2. Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp

a) Chấp hành các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của ngành và địa phương về giáo dục mầm non;

b) Yêu nghề, quý trẻ em; kiên nhẫn, biết tự kiểm chế cảm xúc; có tinh thần trách nhiệm cao; có kiến thức, kỹ năng cần thiết; có khả năng sư phạm phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ;

c) Thường xuyên trau dồi đạo đức, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; gương mẫu, đối xử công bằng và tôn trọng nhân cách của trẻ em; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của trẻ em; đoàn kết, tương trợ, hỗ trợ, giúp đỡ đồng nghiệp;

d) Thực hiện nghiêm túc các quy định hiện hành về đạo đức nhà giáo.

3. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Là giáo viên có trình độ đào tạo chưa đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo đối với giáo viên mầm non theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 72 Luật Giáo dục 2019;

b) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc trình độ tương đương trở lên theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục mầm non và triển khai thực hiện vào nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện đúng chương trình giáo dục mầm non;

c) Biết phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ trẻ và cộng đồng trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em;

d) Biết quản lý, sử dụng, bảo quản và giữ gìn có hiệu quả tài sản cơ sở vật chất, thiết bị của nhóm/lớp, trường.

Điều 4. Giáo viên mầm non hạng III - Mã số.....

1. Nhiệm vụ

a) Nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; chịu trách nhiệm về chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ em ở nhóm, lớp được phân công phụ trách theo Chương trình giáo dục mầm non; thực hiện công tác giáo dục hòa nhập và quyền trẻ em;

b) Trau dồi đạo đức nghề nghiệp; gương mẫu, đối xử công bằng và tôn trọng nhân cách của trẻ em; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của trẻ em;

c) Rèn luyện sức khỏe; hoàn thành các khóa học, các chương trình bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ; tham gia các hoạt động chuyên môn; bảo quản và sử dụng thiết bị giáo dục được giao;

d) Phối hợp với cha mẹ hoặc người giám hộ trẻ em và cộng đồng trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em;

đ) Tham gia công tác phổ cập giáo dục; thực hiện nghĩa vụ của công dân, các quy định của pháp luật, của ngành Giáo dục và của nhà trường, địa phương;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác do hiệu trưởng phân công.

2. Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp

a) Chấp hành các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của ngành và địa phương về giáo dục mầm non;

b) Yêu nghề, quý trẻ em; kiên nhẫn, biết tự kiềm chế cảm xúc; có tinh thần trách nhiệm cao; có kiến thức, kỹ năng cần thiết; có khả năng sư phạm phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ;

c) Thường xuyên trau dồi đạo đức, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; gương mẫu, đối xử công bằng và tôn trọng nhân cách của trẻ em; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của trẻ em; đoàn kết, tương trợ, hỗ trợ, giúp đỡ đồng nghiệp;

d) Thực hiện nghiêm túc các quy định hiện hành về đạo đức nhà giáo.

3. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm mầm non trở lên;

b) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc trình độ tương đương trở lên theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III.

4. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục mầm non và triển khai thực hiện vào nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện đúng chương trình giáo dục mầm non;

c) Biết phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ trẻ em và cộng đồng trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em;

d) Biết quản lý, sử dụng, bảo quản và giữ gìn có hiệu quả tài sản cơ sở vật chất, thiết bị của nhóm/lớp, trường.

Điều 5. Giáo viên mầm non hạng II - Mã số.....

1. Nhiệm vụ

Ngoài những nhiệm vụ của giáo viên mầm non hạng III, giáo viên mầm non hạng II phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- a) Làm báo cáo viên hoặc dạy minh họa tại các lớp bồi dưỡng giáo viên mầm non cấp trường trở lên; hướng dẫn đồng nghiệp thực hiện chương trình và các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em;
- b) Đề xuất các nội dung bồi dưỡng và sinh hoạt chuyên đề ở tổ (khối) chuyên môn;
- c) Tham gia ban giám khảo các hội thi cấp học mầm non từ cấp trường trở lên;
- d) Tham gia các hoạt động chuyên môn khác như đánh giá ngoài; thanh tra; kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm cấp trường trở lên; tham gia hướng dẫn, đánh giá thực tập sư phạm của sinh viên (nếu có).

2. Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp

Ngoài các tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp của giáo viên mầm non hạng III, giáo viên mầm non hạng II phải luôn luôn gương mẫu trong thực hiện các quy định về đạo đức nhà giáo.

3. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

- a) Có bằng cử nhân chuyên ngành giáo dục mầm non hoặc bằng tốt nghiệp đại học sư phạm mầm non trở lên;
- b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc trình độ tương đương trở lên theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc trình độ tương đương trở lên theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- d) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II hoặc chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III theo Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 20).

4. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

- a) Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục mầm non, triển khai thực hiện có kết quả vào nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục mầm non; chủ động, linh hoạt điều chỉnh kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương;

c) Chủ động tổ chức và phối hợp kịp thời với đồng nghiệp, cha mẹ hoặc người giám hộ trẻ em và cộng đồng trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em;

d) Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi cấp trường trở lên;

đ) Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (bao gồm cả thời gian giữ ngạch giáo viên mầm non nếu có) hoặc tương đương đủ từ 06 (sáu) năm trở lên, không kể thời gian tập sự. Đối với các chức danh tương đương thì phải có ít nhất 01 (một) năm giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III.

Điều 6. Giáo viên mầm non hạng I - Mã số.....

1. Nhiệm vụ

Ngoài những nhiệm vụ của giáo viên mầm non hạng II, giáo viên mầm non hạng I phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Tham gia biên tập hoặc biên soạn nội dung tài liệu bồi dưỡng giáo viên mầm non cấp huyện trở lên;

b) Tham gia bồi dưỡng hoặc tham mưu, đề xuất hoặc tư vấn, hỗ trợ, dẫn dắt, chia sẻ về chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên mầm non từ cấp trường trở lên;

c) Tham gia ban giám khảo các hội thi của cấp học mầm non từ cấp huyện trở lên;

d) Tham gia đánh giá ngoài; thanh tra; kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm cấp huyện trở lên.

2. Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp

Ngoài các tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp của giáo viên mầm non hạng III và hạng II, giáo viên mầm non hạng I phải là tấm gương mẫu mực về đạo đức nhà giáo và vận động, hỗ trợ đồng nghiệp thực hiện tốt các quy định về đạo đức nhà giáo.

3. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng cử nhân chuyên ngành giáo dục mầm non hoặc bằng tốt nghiệp đại học sư phạm mầm non trở lên;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc trình độ tương đương trở lên theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và trình độ tương đương trở lên theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng I (hoặc chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II theo Thông tư liên tịch số 20).

4. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Tích cực, chủ động thực hiện và tuyên truyền, vận động đồng nghiệp thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục mầm non vào công việc nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện sáng tạo, linh hoạt; chia sẻ kinh nghiệm, hướng dẫn, hỗ trợ được đồng nghiệp thực hiện được chương trình, kế hoạch giáo dục mầm non;

c) Tích cực, chủ động chia sẻ kinh nghiệm, hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp, cha mẹ và người giám hộ trẻ em và cộng đồng trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em; có khả năng thực hiện nhiệm vụ của giáo viên cốt cán;

d) Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp tỉnh hoặc được tặng bằng khen từ cấp tỉnh trở lên hoặc là giáo viên dạy giỏi từ cấp huyện trở lên;

đ) Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II (bao gồm cả thời gian giữ ngạch giáo viên mầm non chính nếu có) hoặc tương đương đủ từ 06 (sáu) năm trở lên, không kể thời gian tập sự. Đối với các chức danh tương đương thì phải có ít nhất 01 (một) năm giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II.

Chương III

HƯỚNG DẪN BỔ NHIỆM VÀ XẾP LƯƠNG THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Điều 7. Nguyên tắc bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên mầm non

1. Việc bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên mầm non quy định tại Thông tư này phải căn cứ vào vị trí việc làm đang đảm nhận, đạt tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp được quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, và quy định tại Điều 8 của Thông tư này.

2. Khi bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non không được kết hợp thăng hạng chức danh nghề nghiệp và nâng bậc lương.

3. Không căn cứ trình độ đào tạo để bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp cao hơn hạng chức danh nghề nghiệp đã trúng tuyển đối với giáo viên mới được tuyển dụng.

Điều 8. Các trường hợp bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non

1. Viên chức đã được bổ nhiệm vào các hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng IV, hạng III, hạng II theo quy định tại Thông tư liên tịch số 20 thì được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non quy định tại Thông tư này như sau:

a) Giáo viên mầm non hạng IV (mã số V.07.02.06) đạt các tiêu chuẩn của hạng III theo quy định tại Điều 4 của Thông tư này thì được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III;

b) Giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.05) đạt các tiêu chuẩn của hạng II theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này thì được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II; Giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.05) chưa đạt các tiêu chuẩn của hạng II theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này thì được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III;

c) Giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.04) đạt các tiêu chuẩn của hạng I theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này thì được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng I; Giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.04) chưa đạt các tiêu chuẩn của hạng I theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này thì được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II.

2. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng IV đối với giáo viên chưa đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non.

3. Viên chức mới được tuyển dụng sau khi hết thời gian tập sự theo quy định và được cấp có thẩm quyền đánh giá đạt yêu cầu thì được bổ nhiệm vào đúng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non được tuyển dụng.

Điều 9. Cách xếp lương

1. Các chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non quy định tại Thông tư này được áp dụng bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước (Bảng 3) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang như sau:

a) Chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A0 (từ hệ số lương 2,10 đến hệ số lương 4,89);

b) Chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1 (từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98);

c) Chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng I được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm A2.2 (từ hệ số lương 4,0 đến hệ số lương 6,38);

d) Chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng IV được áp dụng hệ số lương của viên chức loại B (từ hệ số lương 1,86 đến hệ số lương 4,06).

2. Việc xếp lương khi bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp và thăng hạng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này và các quy định hiện hành của pháp luật về hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại viên chức. Khi thực hiện chính sách tiền lương mới, việc chuyển xếp sang lương mới thực hiện theo quy định của Chính phủ.

3. Một số trường hợp lưu ý

a) Trường hợp giáo viên được tuyển dụng, đã hết thời gian tập sự theo quy định và hiện đang giữ hệ số lương 1,86 và 2,06, nay đủ điều kiện để bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Thông tư này, thì được xếp hệ số lương 2,10 của viên chức loại A0, mức năng lương lần sau được tính 02 năm đối với giáo viên đang giữ hệ số lương 1,86;

b) Trường hợp giáo viên đủ tiêu chuẩn bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng I theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 8 Thông tư này nhưng hệ số lương thấp hơn hệ số lương khởi điểm của bảng lương quy định cho hạng thì vẫn bổ nhiệm vào hạng nhưng không thực hiện xếp lương mà vẫn hưởng hệ số lương và bảng lương đang hưởng cho đến thời điểm được hưởng hệ số ngang bằng với hệ số lương khởi điểm của bảng lương quy định cho hạng thì chuyển xếp vào bảng lương của hạng.

Ví dụ: Bà Nguyễn Thị A đang được hưởng hệ số lương 3,66 bảng lương A1, bà Nguyễn Thị A đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng I (mã số.....) quy định tại Thông tư này, được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng I (mã số ...). Tuy nhiên, do mức chênh lệch giữa hệ số lương khởi điểm 4,00 của bảng lương A2.2 với hệ số lương hiện hưởng 3,66 là 0,34, lớn hơn mức chênh lệch hệ số lương giữa 2 bậc lương liền kề ở bảng lương hiện hưởng (0,33) nên Bà Nguyễn Thị A vẫn hưởng hệ số 3,66 bảng lương A1. Thời điểm Bà Nguyễn Thị A hưởng hệ số lương 3,99 theo quy định thì mới được xếp lương 4,00 bảng lương A2.2.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Điều khoản áp dụng

1. Giáo viên mầm non giữ chức danh nghề nghiệp hạng IV thuộc đối tượng nâng chuẩn trình độ đào tạo theo quy định tại Nghị định số /2020/NĐ-CP ngày tháng năm 2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, sau khi đạt chuẩn trình độ đào tạo thì được bổ nhiệm vào hạng III mà không phải qua thi hoặc xét thăng hạng.

2. Những giáo viên mầm non thông qua kì thăng hạng chức danh nghề nghiệp và đã được bổ nhiệm vào hạng III (mã số V.07.02.05), hạng II (mã số V.07.02.04) nhưng chưa đáp ứng tiêu chuẩn hạng chức danh nghề nghiệp tương

ứng trong Thông tư này thì sau khi đạt tiêu chuẩn của hạng tương ứng sẽ được bổ nhiệm vào hạng mà không phải qua thi hoặc xét thăng hạng.

3. Thời gian giáo viên mầm non giữ hạng IV (mã số V.07.02.06), hạng III (mã số V.07.02.05), hạng II (mã số V.07.02.04) được tính là tương đương với thời gian giữ hạng III, II, I theo quy định tại Thông tư này.

4. Việc quy đổi tương đương về trình độ ngoại ngữ, tin học đối với các chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non công lập như sau:

a) Những trường hợp được xác định là đủ điều kiện về trình độ ngoại ngữ hoặc không yêu cầu trình độ ngoại ngữ theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bao gồm: giáo viên mầm non có tuổi đời từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam, 50 tuổi trở lên đối với nữ tính đến ngày 31 tháng 12 của năm được bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp; giáo viên mầm non đang công tác tại vùng dân tộc thiểu số là người dân tộc thiểu số hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số được cơ sở đào tạo cấp theo thẩm quyền; giáo viên mầm non có bằng tốt nghiệp từ thạc sĩ trở lên; có bằng tốt nghiệp từ đại học trở lên (đối với hạng I, hạng II, hạng III) chuyên ngành ngoại ngữ; có bằng tốt nghiệp từ đại học trở lên (đối với hạng I, hạng II, hạng III) trở lên các chuyên ngành khác nhưng học tập tại nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam, được cơ quan có thẩm quyền công nhận;

b) Những trường hợp được xác định là đủ điều kiện về trình độ tin học hoặc không yêu cầu trình độ tin học theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bao gồm: giáo viên có bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên các chuyên ngành liên quan đến Tin học hoặc Công nghệ thông tin; giáo viên có bằng tốt nghiệp cao đẳng, đại học ngành ghép 02 môn có môn tin như: Toán - Tin, Lí - Tin;

c) Việc quy đổi tương đương giữa các chứng chỉ ngoại ngữ khác với chứng chỉ ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam; việc quy đổi tương đương giữa các chứng chỉ tin học khác với chứng chỉ tin học đạt chuẩn ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông (nếu có);

d) Việc chấp nhận và sử dụng chứng chỉ/chứng nhận nào để xác định trình độ ngoại ngữ, tin học của giáo viên mầm non hạng III, hạng II, hạng I và việc quy đổi liên thông giữa các chứng chỉ ngoại ngữ, tin học được thực hiện theo quy định hiện hành và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Giáo viên mầm non đã có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non tại Thông tư liên tịch số 20 được công nhận là chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non của hạng chức danh được quy định tại điểm d khoản 3 Điều 5 và điểm d khoản 3 Điều 6 Thông tư này. Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên mầm non hạng III theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 4 áp dụng đối với viên chức được tuyển dụng sau ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này là căn cứ xác định vị trí việc làm, cơ cấu giáo viên và thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý đội ngũ viên chức giáo viên mầm non trong các trường mầm non công lập.

Không thực hiện tuyển dụng giáo viên mầm non hạng IV (mã số...) quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư này, chỉ thực hiện tuyển dụng đối với giáo viên mầm non từ hạng III trở lên.

2. Người đứng đầu các trường mầm non công lập trực tiếp quản lý, sử dụng viên chức có trách nhiệm:

a) Rà soát Đề án vị trí việc làm của đơn vị, lập phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với giáo viên mầm non trong trường mầm non thuộc thẩm quyền quản lý; trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền phân cấp;

b) Báo cáo cơ quan quản lý có thẩm quyền theo quy định kết quả bổ nhiệm và xếp lương với giáo viên mầm non;

c) Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non; tạo điều kiện để giáo viên mầm non được đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Phê duyệt phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với giáo viên mầm non trong các trường mầm non công lập thuộc phạm vi quản lý; giải quyết theo thẩm quyền những vướng mắc trong quá trình bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương;

b) Quyết định hoặc phân cấp việc bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với giáo viên mầm non trong các trường mầm non công lập theo thẩm quyền;

c) Báo cáo kết quả bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức là giáo viên mầm non trong các trường mầm non công lập thuộc phạm vi quản lý về Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 12. Hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2020.

2. Thông tư này thay thế Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non.

3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ; thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo; cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban VHGDĐTNNĐ của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Ủy ban Quốc gia đổi mới giáo dục và đào tạo;
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Công báo;
- Website của Chính phủ;
- Website của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT, Vụ PC, Cục NGCBQLGD.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Phạm Ngọc Thương**